

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

---***---

Bản án số: 96/2021/HSST
Ngày: 22/10/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Oanh và ông Lê Quang Thế.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Nhật Lệ – Thư ký tòa án.

- Đại diện VKSND huyện K: Bà Lê Thị Chung - KSV.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS, ngày 28/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 08/07/2021 đối với bị cáo **Phan Thị T.A**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện K, Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phan Văn T và bà Ôn Thị L; Anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo có chồng là Nguyễn Đức Đ và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

***/ Các luật sư bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lê Thị P M và luật sư Đào Trung K thuộc Công ty Luật TNHH C L T D – Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Khu 6, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, tp. Hà Nội (Đều có mặt tại phiên tòa).

***/ Những người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;
2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974;
3. Chị Đoàn Thị L1, sinh năm 1974;
4. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985;
5. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1979;
6. Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1982;

Đều trú tại: thôn Y, xã D huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

7. Chị Trần thị N2, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn Q U, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

8. Chị Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn Y T, xã V H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

9. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn H, xã T H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

10. Chị Dương Thị T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

****/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Trường THPT M (gọi tắt là trường M).

Địa chỉ: xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H4, sinh năm 1966 - Hiệu trưởng (Vắng mặt có lý do)

2. Chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn Y, xã D huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Chị Đỗ Lệ H5, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn Cao Quán, xã Hồng Tiến, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện K, Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

5. Bà Ôn Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn Q U, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

6. Ông Phan Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: thôn Q U, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người làm chứng:***

1. Anh Trần Hải N3, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn Yên Khê, xã V H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Hoàng Văn V1, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Lưu Tuấn N4, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Chị Ôn Thị Bích N5, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ dân phố Trịnh; phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (Vắng mặt tại phiên tòa).

5. Chị Nguyễn Thị Diệu T2, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

6. Anh Nguyễn Đình C1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

7. Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

8. Chị Nguyễn Thị H6, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

9. Anh Bùi Ngọc T3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 15/7/2020, Phan Thị T.A đưa con của anh chồng là cháu Nguyễn Thị T4, sinh năm 2005 ở Thôn M, xã D đi thi tuyển vào lớp 10 tại trường THPT K1 thì gặp chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 ở thôn Y, xã D, huyện K cũng đưa con gái là cháu Dương Thanh C4, sinh năm 2004 đi thi tuyển vào lớp 10 cùng trường THPT K1. T.A và chị N đã làm quen với nhau, T.A xin nick Zalo của chị N. Đến ngày 25/7/2020, T.A gặp chị N tại cửa hàng bán quần áo của chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1994 ở thôn Y, xã D, huyện K. T.A nói với chị N rằng cháu của T.A đã không trúng tuyển và hỏi chị N có quen biết ai để xin cho cháu mình trúng tuyển vào lớp 10 không thì chị N nói để chị hỏi mấy chỗ xem họ trả lời thế nào thì sẽ thông báo lại cho T.A biết. Do trước đó, T.A có vay nợ của chị M2 và chị Đỗ Lệ H5, sinh năm 1990 ở thôn Cao Quán, xã Hồng Tiến đến hạn phải trả nhưng chưa có tiền, qua nắm bắt thông tin trên mạng xã hội T.A biết được trường M, thuộc huyện Y có chỉ tiêu xét tuyển nguyện vọng 2 là 14 trường hợp nên T.A đã nảy sinh ý định sẽ lừa một số gia đình để lấy tiền bằng cách đưa ra thông tin gian dối là sẽ nhờ được bác của T.A là ông Phan Văn Úy là Chủ tịch UBND xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên để xin cho một số trường hợp trúng tuyển nguyện vọng 2 vào trường M. T.A gọi điện qua Zalo cho chị N hỏi: “Em đã tìm được chỗ chạy rồi, anh chị có chạy không?”. Chị N trả lời: “Hỏi được thì chạy luôn cho cháu giúp anh chị”. Sau đó, T.A thông báo với chị N là đã nhờ được người xin cho con của chị N là cháu Dương Thanh C4 trúng tuyển vào trường M và được chị N đồng ý. Để tạo niềm tin cho chị N, T.A còn sử dụng nick Facebook của mẹ T.A là bà Ôn Thị L, sinh năm 1975 có tên nick là Mai Lan để nhắn tin cho chị N và hứa hẹn với chị N sẽ xin cho các trường hợp trên vào trường M, chị N tin rằng đó là mẹ T.A nên rất tin tưởng. Sau khi biết thông tin chị N đã xin được cho con của chị N thì 09 gia đình khác có con không trúng tuyển vào lớp 10 đến nhờ chị N nói với T.A xin cho con của họ xét tuyển nguyện vọng 2 vào lớp 10 trường M. Chị N đã nói chuyện lại với T.A và được T.A đồng ý. T.A nói với chị N yêu cầu các gia đình phải đưa hồ sơ và số tiền dao động trong khoảng từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ/1 trường hợp thì chị N đồng ý, đồng thời chị đã thông báo lại với các gia đình. Sau đó chị N đã trực tiếp nhận hồ sơ của 09 gia đình gồm: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974; Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1974; Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1979; Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1982; Chị Dương Thị T1, sinh năm 1976 (tất cả đều ở thôn Y, xã D, huyện K); Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1981 ở thôn H, xã T H, huyện Y; Chị Trần thị N2, sinh năm 1979 ở thôn Q U, xã M, huyện Y; Chị Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1978 ở thôn Y T, xã V H, huyện K. Mỗi hồ sơ mà chị N thu để đưa cho T.A gồm có: 01 học bạ (bản phô tô), giấy khai sinh, giấy báo điểm, sổ hộ khẩu (Bản phô tô), học bạ, giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và ảnh... Khi nhận hồ sơ thì chị N đã nhận tiền của các trường hợp gồm: Chị H1 26.000.000đ; Chị L2 26.000.000đ; Chị H1 30.000.000đ; Chị H3 30.000.000đ; Chị 27.800.000đ; Chị Oanh 27.000.000đ; Chị H2 31.000.000đ. Tổng số tiền chị N nhận của các trường hợp trên là 197.800.000đ, cộng với số tiền mà chị N nộp cho con gái chị N là 12.400.000đ. Tổng số tiền chị N đã thu và đưa cho T.A là

210.200.000đ. Riêng chị T1 không đồng ý đưa tiền ngay mà chỉ đưa tiền khi nào con chị được đi học ở trường M. Chị N đưa số tiền trên cho T.A làm 03 lần gồm: Lần 1 là 33.000.000đ; Lần 2 là 26.000.000đ; Lần 3 là 151.200.000đ. Ngoài ra, T.A trực tiếp nhận hồ sơ và số tiền 33.000.000đ của chị Y (Các lần nhận tiền nêu trên T.A đều viết giấy biên nhận). Sau khi nhận hồ sơ và tiền của các gia đình, T.A đem hồ sơ về cất ở nhà tại Thôn M, xã D, huyện K.

Đến ngày 12/8/2020, chị N nói chuyện với T.A rằng có 02 trường hợp nữa muốn xin xét tuyển vào trường M nhưng họ yêu cầu khi nào nhận được thông báo trúng tuyển thì sẽ đưa tiền. Để tạo lòng tin với các gia đình, T.A đã nảy sinh ý định đặt làm con dấu giả của trường M và giấy thông báo trúng tuyển giả cho 10 gia đình. T.A tìm kiếm người làm dấu giả trên mạng internet rồi liên hệ bằng điện thoại với một người lạ mặt (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) để đặt làm dấu tròn pháp nhân của trường M và dấu chức danh hiệu trưởng là Nguyễn Đức H4 với giá 3.000.000đ. Sau đó, T.A tìm kiếm trên mạng Internet mẫu giấy chứng nhận trúng tuyển, thông báo nhập học rồi đến cửa hàng photo Ngọc T của Anh Bùi Ngọc T3, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã D, huyện K thuê đánh máy tên của từng cháu vào mẫu đó và in ra mang về nhà dán ảnh.

Theo lời khai ban đầu của T.A xác định: Ngày 13/8/2020, có người đi xe máy đến giao dấu cho T.A, con dấu được gói trong 01 hộp cattong không đóng dấu chuyển phát. T.A nhận hàng và không nhớ biển số xe của người giao hàng. Sau đó, T.A thay đổi lời khai là: T.A đến Viettel Post (Bưu cục Dân Tiến) để nhận bưu phẩm là dấu giả. Kết quả xác minh với Bưu cục Dân Tiến – chi nhánh Hưng Yên đã xác định: Không xác định ngày 12,13/8/2020 có ai tên là Phan Thị T.A đến nhận bưu phẩm. Sau khi nhận dấu, T.A mang dấu về nhà đóng vào các giấy chứng nhận trúng tuyển của các trường hợp và các tờ thông báo đã làm sẵn trước đó. Mỗi một giấy chứng nhận kèm theo 01 tờ thông báo trúng tuyển. Trên các giấy chứng nhận và thông báo T.A chỉ đóng dấu pháp nhân và dấu chức danh tên “Nguyễn Đức H4” là tên Hiệu trưởng trường M mà không có chữ ký. Quá trình trao đổi việc lo cho các trường hợp vào trường cấp 3 M, T.A đều gọi điện và nhắn tin bằng zalo với chị N. T.A nhiều lần nhắn tin cho chị N với những nội dung để chị N tin rằng T.A đang nhờ người xin cho các cháu vào trường M. Sau khi đóng dấu vào các giấy chứng nhận xong, T.A đều chụp ảnh lại và gửi cho chị N qua zalo, chị N nhìn thấy các giấy trúng tuyển của các trường hợp có dấu đỏ nên rất tin tưởng.

T.A đưa tổng số 10 giấy chứng nhận trúng tuyển kèm theo thông báo nhập học cho chị N để trả cho các trường hợp gồm: Cháu Dương Phi H7 sinh năm 2005; Cháu Dương Tuấn Đ2 sinh năm 2005; Cháu Nguyễn Đình H8 sinh năm 2005; Cháu Dương Thanh C4 sinh năm 2004; Cháu Phan Thị N5 sinh năm 2005; Cháu Hà Thị N6 sinh năm 2005; Cháu Nguyễn Việt A2 sinh năm 2005; Cháu Nguyễn Thị Phương A3 sinh năm 2005; Cháu Nguyễn Anh P1, sinh năm 2005; Cháu Phạm Minh V1, sinh năm 2005.

Sau khi nhận giấy chứng nhận kèm thông báo nhập học của cháu V1, chị T1 phát hiện trong giấy bị nhầm họ “Phạm” thành họ “Phan”, trên giấy chỉ có dấu mà không có chữ ký nên chị T1 nghi ngờ đã trả lại giấy chứng nhận của cháu V1 cho

chị N và nói với chị N rằng: Khi nào nhập học thì mới chuyển tiền cho chị N. Sau đó, chị N gửi trả lại T.A giấy chứng nhận của cháu V1con của chị T1. Đến ngày 22/8/2020, lo sợ bị lộ nên T.A đã gọi điện thoại cho chị N yêu cầu thu lại 09 giấy chứng nhận trúng tuyển còn lại với lý do: Sẽ gửi các giấy chứng nhận xuống Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên để đổi giấy chứng nhận khác do thiếu chữ ký. Chị N thu lại 05 giấy chứng nhận kèm thông báo của các trường hợp gồm các cháu: Đ2, C4, N5, N6, A2 rồi mang phô tô công chứng lại tại văn phòng công chứng Ngọc Chấn ở thị trấn Khoái Châu, riêng giấy chứng nhận và thông báo nhập học của cháu H7 thì ngày 20/8/2020, chị H1 đã mang đi chứng thực tại UBND xã D và đã chuyển lại cho chị N bản gốc. Chị N2, chị L2 đã chụp ảnh các giấy chứng nhận và thông báo nhập học của cháu H7 và cháu A2 rồi đưa lại bản gốc cho chị N, còn giấy chứng nhận và thông báo trúng tuyển mang tên cháu P1, chị N nhờ con gái là cháu C4 sang nhà chị Oanh và được cháu P1 (Con trai chị Oanh) đưa mang về để chị N đưa lại cho T.A. Sau khi nhận lại 09 giấy chứng nhận kèm thông báo trúng tuyển giả nêu trên, T.A đã xé và ném xuống sông ở khu vực Cống Ròng thuộc thôn Y, xã D, huyện K. Số tiền 243.200.000đ nhận từ chị N và chị Yến, T.A đã đem trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tối ngày 22/8/2020, sau khi phát hiện T.A đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mọi người nên chị N đã gọi điện yêu cầu T.A đến nhà chị ở thôn Y, xã D. Đồng thời chị N mời các gia đình, gồm: chị H1, chị L2, chị H1, chị H3, chị N2, chị Oanh, chị Yến, chị H2, anh Chung đến nhà chị để làm rõ sự việc. Tại nhà chị N có mặt đại diện các gia đình trên, T.A đã thừa nhận bản thân làm giả các giấy chứng nhận trúng tuyển và thông báo nhập học nhằm mục đích che dấu hành vi chiếm đoạt số tiền 243.200.000đ. Ngay trong buổi tối 22/8/2020, chị N đã nhờ chị M2 là em gái đến nhà T.A lấy toàn bộ sổ hồ sơ mà các gia đình đã nộp để nhờ T.A xin cho các con vào học, anh Nguyễn Đức Đ là chồng T.A đã đưa lại cho chị M2 sổ hồ sơ trên để chị mang về nhà chị N đưa lại cho các gia đình.

Ngày 23/8/2020, chị N đã có đơn trình báo Công an xã D, các gia đình bị hại cũng đề nghị Cơ quan công an giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị N đã giao nộp cho Cơ quan công an 01 tờ giấy kê ngang dạng vở học sinh được đánh số thứ tự trang từ 01 đến 04, gồm có 03 lần viết biên nhận tiền của chị N cụ thể: Lần 1, T.A viết biên nhận của chị N số tiền 33.000.000đ; lần 2, T.A viết biên nhận của chị N số tiền 26.000.000đ; lần 3, T.A viết giấy biên nhận của chị N số tiền 151.200.000đ. Ngày 24/8/2020, chị Hải Yến giao nộp Cơ quan công an 01 giấy biên nhận tiền mà T.A nhận của chị số tiền 33.000.000đ. Đồng thời, chị N đã giao nộp 06 giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 kèm các thông báo trúng tuyển của các trường hợp (Đã được phô tô công chứng, chứng thực) cho Cơ quan điều tra. Ngày 14/11/2020, chị L2 giao nộp 01 giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 và 01 thông báo nhập học mang tên Nguyễn Đình H8 (Bản phô tô) cho Cơ quan điều tra; Ngày 25/01/2021 chị N2 giao nộp 01 giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 và 01 thông báo nhập học mang tên Nguyễn Thị Phương A3 (Bản phô tô) cho Cơ quan điều tra. Chị N, chị Y đã cung cấp cho Cơ quan điều tra toàn

bộ các tin nhắn và hình ảnh mà T.A đã gửi cho các chị trong quá trình trao đổi việc xin cho các cháu vào học trường M.

Ngày 23/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã khám xét khẩn cấp nơi ở của T.A tại Thôn M, xã D, huyện K. Quá trình khám xét đã thu giữ: 01 dấu dập màu đỏ, nội dung dấu “Đã thu tiền”; 01 con dấu tròn mang tên trường M và 01 con dấu chức danh mang tên “Nguyễn Đức H4”. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm đối với số tài liệu T.A vớt tại khu vực Cống Ròng nhưng không tìm thấy.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã thu thập mẫu dấu tròn, mẫu dấu chức danh và chữ ký của ông Nguyễn Đức H4, chữ viết, chữ ký của T.A đồng thời Quyết định trưng cầu giám định để xác định sự thật khách quan làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 201 ngày 25/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Hình dấu tròn có nội dung: “TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG M” trên tài liệu cần giám định A1, A2 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 86 ngày 10/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: 1. Chữ viết đứng tên Phan Thị T.A trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (Trừ các phần có nội dung “ Nhị...Nguyễn Thị M2”; “Đưa trước 1200. Tiền của Chúc”) so với chữ viết đứng tên Phan Thị T.A trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra; 2. Chữ ký đứng tên Phan Thị T.A dưới mục “Kí tên” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Phan Thị T.A dưới mục “Người khai” trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra.

Ngày 23/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã trực tiếp làm việc với Anh T3 và chị H1 chủ quán phở tô Ngọc T tại thôn Đ, xã D xác định: vào tháng 8 năm 2020, T.A có đến quán photo của anh chị thuê đánh máy theo mẫu giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 của trường M và các giấy thông báo nhập học. Tiến hành kiểm tra các file trong máy vi tính của cửa hàng xác định các mẫu mà T.A thuê đánh máy vẫn còn trong máy nên Viện kiểm sát phối hợp với Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản và thu thập file trên đưa vào USB để quản lý theo quy định.

Ngày 23/8/2020, chị M4 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại Iphone XSMAX mà T.A để lại cho M4 tối ngày 22/8/2020 để trừ nợ; Chị Lê Hương giao nộp 01 điện thoại di động Iphone XSMAX do T.A cầm cố tại quán nhà anh Trần Hải N3 sinh năm 1993 ở thôn An Bình, xã D để lấy tiền trả cho H5. Ngày 28/8/2020, chị Nguyễn Thị M2 và chồng là anh Đỗ Xuân H9 sinh năm 1983 ở thôn Y, xã D đã tự nguyện giao nộp Cơ quan điều tra số tiền 37.200.000đ là tiền mà T.A trả tiền lãi; Ngày 04/9/2020, chị Đỗ Lê H5 tự nguyện giao nộp Cơ quan điều tra số tiền 20.000.000đ là tiền mà T.A cho rằng H5 đã tự ý chuyển sang tài khoản của anh H10(Chồng H5) để phục vụ công tác điều tra. Ngày 25/9/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra nội dung bên trong đối với 02 chiếc điện thoại đã thu giữ trên.

Quá trình mở kiểm tra đối với điện thoại do chị M4 giao nộp xác định: Nhiều nội dung tin nhắn từ zalo mang tên Phan Thị T.A nhắn tin cho nick zalo mang tên Nguyễn Thị N và zalo mang tên Minh Y (tức chị Vũ Thị Hải Y) nội dung đều liên quan đến việc T.A nhận lo cho con của các gia đình vào học tại trường M; Kiểm tra chiếc điện thoại Iphone XSMAX do Đỗ Lê H5 giao nộp xác định: Không có nội dung gì liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã lập biên bản sao chụp lại toàn bộ nội dung tin nhắn của điện thoại do chị M4 giao nộp trên đưa vào hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Phan Thị T.A đã thừa nhận toàn bộ diễn biến hành vi đặt con dấu giả của trường M và làm các giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 rồi đưa cho các gia đình để che dấu hành vi phạm tội và để tiếp tục lừa đảo một số gia đình khác thì bị phát hiện. Tuy nhiên, đến giai đoạn truy tố T.A không thừa nhận hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức.

Đối với 01 dấu dập mang tên Nguyễn Đức H4; 01 dấu dập ghi nội dung Trường trung học phổ thông M, 01 dấu dập ghi nội dung “Đã thu tiền”, 01 chiếc điện thoại đã thu giữ của Nguyễn Thị M2 cùng 02 chiếc điện thoại của T.A Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Về việc Anh T3 và chị H1 là chủ cửa hàng pho to Ngọc T do làm theo yêu cầu của khách hàng, không biết ý định của T.A làm giả tài liệu, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với đối tượng bán con dấu giả cho T.A, do T.A không nhớ số điện thoại nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra, T.A đề nghị Cơ quan điều tra làm rõ hành vi của chị M4 đã cho T.A vay số tiền 80.000.000đ với lãi suất 7.000đ/1triệu/1 ngày; chị H5 đã cho T.A vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày. Anh Nguyễn Mạnh H11 sinh năm 1988 và chị Lê Thị Ngọc B1 sinh năm 1992 ở thôn Vân Trì, xã D, huyện K tố cáo T.A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 550.000.000đ. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Đỗ Lê H5, Nguyễn Thị M2, Đỗ Xuân H9 và Chu Việt H12 và tố cáo của anh H11, chị B1 để tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Về việc T.A tố cáo chị H5 tự ý cầm điện thoại nhận điện khuôn mặt T.A để mở điện thoại của T.A nhằm mục đích chuyển số tiền 20.000.000đ từ tài khoản của T.A sang tài khoản của chồng chị H5 là anh Nguyễn Chi H13 sinh năm 1986 ở thôn C, xã HT, huyện K. Quá trình điều tra đã xác định: Đối với khoản tiền 30.000.000đ mà T.A vay của chị H5, ngày 02/8/2020, T.A đã mang cầm cố điện thoại di động tại cửa hàng điện thoại của anh Trần Hải N3 được số tiền 10.000.000đ để trả cho H5 khoản tiền gốc, còn tiền lãi chưa trả, nhưng do điện thoại không có mật khẩu Icloud nên H5 đứng ra bảo lãnh là T.A sẽ quay lại lấy điện thoại và trả tiền. Khoảng 10 giờ ngày 22/8/2020, tại nhà của chị N ở thôn Y, xã D, chị H5 cho rằng T.A đã chuyển trả chị số tiền 20.000.000đ vào tài khoản của chồng chị là anh H13, số tiền T.A còn nợ lại chị là 10.000.000đ. Những người có mặt tại nhà chị N khi đó không chứng kiến việc giao dịch chuyển tiền giữa T.A và chị H5, do đó chưa đủ căn cứ xác định hành vi của chị H5 có dấu hiệu tội phạm.

Cơ quan điều tra chuyển toàn bộ số tiền gồm 59.600.000đ là khoản tiền liên quan đã thu giữ vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện tại kho bạc huyện K, để xem xét xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo T.A đã trả cho chị N, chị Y, chị H1, chị H3, chị Oanh, chị H1, chị H2 và chị N2, chị L1 số tiền mà T.A đã nhận của các gia đình. Các gia đình bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.A.

Tại bản cáo trạng số 45/QĐ -VKS- KC, ngày 28 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố: Phan Thị T.A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của BLHS năm 2015.

[1] Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K ngoài việc sắp xếp lại thứ tự về mặt thời gian trong phần kết luận của bản Cáo trạng cho đúng với diễn biến, bản chất của vụ việc thì không thay đổi gì về nội dung, điều luật, tội danh mà VKSND đã truy tố đối với bị cáo T.A và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015. Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Điều 55 của BLHS năm 2015; **Tuyên bố:** Bị cáo T.A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Đề nghị xử phạt bị cáo T.A từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp chung hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải thi hành từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 23/8/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, c khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 dấu dập mang tên Nguyễn Đức H4; 01 dấu dập ghi nội dung Trường trung học phổ thông M, 01 dấu dập ghi nội dung “Đã thu tiền”,

- Trả lại cho T.A: 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max đã thu giữ của Nguyễn Thị M2.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone XS Max do chị H5 giao nộp; Số tiền 37.200.000đ anh H9 đã tự nguyện giao nộp; Số tiền 20.000.000đ anh H13 giao nộp và 2.400.000đ, 01 đầu CPU, 06 tập giấy bên trong là các giấy biên nhận thỏa thuận cho vay cầm đồ (chưa ghi nội dung gì); 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 03 tờ giấy có dòng kẻ ghi các số tự nhiên nhưng đều được gạch chéo; 01 quyển sổ có kích thước (13x8,5), bên trong có 08 trang có ghi nội dung sẽ được xử lý khi cơ quan điều tra làm rõ có hay không có hành vi cho vay nặng lãi của Đỗ Lệ H5, Nguyễn Thị M2, Đỗ Xuân H9 và Chu Việt H12.

[2]. Bị cáo T.A thừa nhận đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc T.A có người quen, có thể xin vào nguyện vọng 2 trường M cho một số cháu thi trượt cấp 3, đồng thời để củng cố lòng tin với các bị hại, T.A đã dùng facebook Mai Lan

của mẹ bị cáo là bà Ôn Thị L nhắn tin cho chị N để chiếm đoạt số tiền 243.200.000đ. Sau khi đưa ra thông tin sai sự thật, lừa tiền được các bị hại xong, sợ hành vi của mình bị phát giác nên T.A đã lên mạng tìm mẫu Giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 và Thông báo nhập học, thuê cửa hàng phô tô Ngọc Tđánh 10 Giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 và Thông báo nhập học, đồng thời lên mạng tìm mua con dấu dập có nội dung Trường trung học phổ thông M để đóng vào tài liệu nêu trên. Lý giải về việc bị cáo không ký vào các Giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 và Thông báo nhập học nêu trên là do bị cáo chưa nhìn thấy chữ ký của hiệu trưởng Nguyễn Đức H4, mặt khác bị cáo còn nghĩ rằng chỉ cần có dấu đỏ đóng vào tài liệu là đủ. Số tiền lừa được từ gia đình các bị hại, bị cáo cũng đã tác động đến gia đình bị cáo và được bố, mẹ bị cáo là ông T, bà L đã thay bị cáo khắc phục hậu quả đối với các bị hại.

Đối với các tin nhắn được sao kê từ tài khoản Zalo của chị N, chị Y và T.A thì bị cáo trình bày: T.A có dùng tài khoản Zalo của mình là Phan Thị T.A có hình đại diện là khuôn mặt, đội mũ tay che cằm để nhắn tin cho chị N và chị Y như nội dung tin nhắn chị N, chị Y cung cấp là đúng. Tuy nhiên, nội dung tin nhắn nêu trên được T.A nhắn bởi điện thoại khác, điện thoại này đã hỏng và T.A đã bỏ đi. 02 chiếc điện thoại XS Max mà cơ quan điều tra thu của chị H5 và chị M4 không liên quan đến nội dung tin nhắn trên nên T.A xin lại để dùng.

Giải thích về việc tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức mà bị cáo đã phủ nhận tại giai đoạn truy tố thì bị cáo khai rằng trong thời gian tạm giam, bị cáo thật sự ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình nên thành khẩn khai báo để hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm đoàn tụ với gia đình, cộng đồng, có cơ hội làm lại từ đầu.

[3]. Các Luật sư bào chữa cho bị cáo T.A có quan điểm: Nhất trí với tội danh, điều luật mà đại diện VKSND huyện K đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, các luật sư còn đề nghị HĐXX xem xét về nhân thân, hoàn cảnh, sự bông bột nhất thời của tuổi trẻ, sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo để quyết định cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

[4]. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt là anh Nguyễn Đức Đ, bà Ôn Thị L và ông Phạm Văn Thứ trình bày quan điểm khẳng định không biết, không giúp sức cho T.A trong việc T.A Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cũng như làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Ngoài ra, ông T và bà L còn khẳng định đã thay T.A khắc phục hậu quả trả toàn bộ số tiền mà T.A đã lừa các bị hại theo đề nghị của T.A. Số tiền khắc phục hậu quả thay T.A thì ông T, bà L không yêu cầu đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5]. Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay những người bị hại: Chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị H1, chị Đoàn Thị L, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị O, chị Bùi Thị H2, chị Trần thị N2, chị Vũ Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H3, chị Dương Thị T1; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Ông Nguyễn Đức H4, chị Nguyễn Thị M2, chị Đỗ Lệ H5 và những người làm chứng là: Anh Trần Hải N3,

anh Hoàng Văn V1, anh Lưu Tuấn N4, chị Ôn Thị Bích N5, chị Nguyễn Thị Diệu T2, Anh Nguyễn Đình C1, Anh Nguyễn Văn C2, chị Nguyễn Thị H1, Anh Bùi Ngọc T3 đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chỉ có chị N và ông H4 vắng mặt có lý do, những người còn lại đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án, họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay, không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay Phan Thị T.A đã thừa nhận: Vì không có tiền trả nợ chị M4 và chị H5 nên T.A đã nảy sinh ý định sẽ lừa một số gia đình để lấy tiền bằng cách đưa ra thông tin gian dối là sẽ nhờ được ông Phan Văn Úy là Chủ tịch UBND xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên và cũng là bác của T.A xin cho một số trường hợp trúng tuyển nguyện vọng 2 vào trường M, đồng thời để củng cố thêm lòng tin đối với bị hại, T.A còn dùng nick facebook Mai Lan của mẹ T.A là bà Ôn Thị L nhắn tin cho chị N với nội dung hứa hẹn với chị N sẽ xin cho các trường hợp trên vào trường M. Ngoài xin cho con chị N thì T.A còn xin cho 09 cháu khác nữa với tổng số tiền chị N đưa cho T.A làm ba lần là 210.200.000đ. Ngoài ra, T.A đã tự nhận của chị Y với số tiền là 33.000.000đ. Tổng số tiền T.A lừa được của các bị hại là 243.200.000đ. Do vậy, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T.A đã hoàn thành khi T.A đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt được số tiền 243.200.000đ. Đến ngày 12/8/2020, T.A mới nảy sinh ý định đặt làm con dấu giả của trường M để làm Giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 và Thông báo nhập học giả cho 10 gia đình nhằm che dấu hành vi phạm tội, củng cố niềm tin đối với các bị hại và nhằm lừa thêm một số đối tượng khác có nhu cầu. Tuy nhiên, hành vi của T.A bị chị T1 phát hiện vì trong giấy Thông báo trúng tuyển ghi tên cháu V1 mà chị N đưa cho chị T1 bị nhầm họ “Phạm” thành họ “Phan”; giấy Chứng nhận và Thông báo chỉ có dấu mà không có chữ ký khiến chị T1 nghi ngờ nên đã trả lại Giấy chứng nhận và Thông báo của cháu V1 cho chị N và nói với chị N rằng khi nào cháu V1 được nhập học thì chị T1 mới chuyển tiền cho chị N để chị N trả cho T.A.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi đưa ra thông tin không đúng sự thật nêu trên thì T.A đã nhằm vào tài sản của chị N và các bị hại khác để lấy tiền trả nợ. Sau đó, để che dấu hành vi phạm tội của mình, củng cố niềm tin đối với các bị hại.

Nên, mặc dù không có thẩm quyền cấp các tài liệu nêu trên, nhưng T.A đã tạo ra các tài liệu trên bằng những phương pháp nhất định như lên mạng internet để tìm mẫu, mua con dấu giả, đi thuê người đánh máy sau đó in ra và đóng dấu của một pháp nhân có thật là trường M và dấu chức danh của hiệu trưởng nên đã được coi là tài liệu giả. Hành vi của T.A hoàn thành kể từ khi T.A tạo ra được 10 Giấy báo trúng tuyển và 10 thông báo nhập học của 10 cháu học sinh nói trên và coi đó là thật để thực hiện hành vi trái pháp luật đó là che dấu hành vi phạm tội của mình. Sở dĩ, T.A không ký vào Giấy báo trúng tuyển và Thông báo nhập học nêu trên là do T.A chưa từng nhìn thấy chữ ký của ông Nguyễn Đức H4 - Hiệu trưởng của Trường M chứ không phải T.A cố tình không ký. Quá trình điều tra, không truy tìm được tài liệu gốc mà T.A đã làm giả, nhưng đã chứng minh được, động cơ, mục đích, địa điểm làm tài liệu giả của T.A, tìm được người đánh Giấy báo nhập học và Thông báo trúng tuyển cho T.A, con dấu thu được trong khi khám xét nhà của T.A, phù hợp với lời khai của các bị hại về việc có nhận được các tài liệu giả nêu trên, 06 tài liệu giả mặc dù chưa có chữ ký nhưng đã được chứng thực bản sao đúng với bản chính, các tài liệu giả còn lại chưa được công chứng, chứng thực nhưng có được lưu trên tin nhắn Zalo của bị cáo và bị cáo đã gửi các hình ảnh đó cho chị N. Do vậy, hành vi về mặt khách quan của T.A thực hiện đã xâm phạm vào 02 khách thể khác nhau là Hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được BLHS năm 2015 bảo vệ quy định tại Điều 174 và Điều 341. Như vậy, đã có đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 8/2020 đến ngày 22/8/2020, Phan Thị T.A đã đưa ra thông tin gian dối là sẽ nhờ được bác của T.A là ông Phan Văn Úy là Chủ tịch UBND xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên để xin cho một số trường hợp trúng tuyển nguyện vọng 2 vào trường M và dùng nick facebook Mai Lan của mẹ T.A là bà Ôn Thị L để nhắn tin cho chị N với nội dung hứa hẹn với chị N sẽ xin cho các trường hợp trên vào trường M nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 243.200.000đ của các gia đình bị hại. Số tiền đã chiếm đoạt, T.A đã mang trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, lo sợ bị phát hiện T.A đã làm giả 10 giấy chứng nhận trúng tuyển nguyện vọng 2 vào trường M mang tên: Dương Phi H7, Dương Tuấn Đ2, Nguyễn Đình H8, Dương Thanh C4, Phan Thị N5, Hà Thị N6, Nguyễn Việt A2, Nguyễn Phương A3, Nguyễn Anh P1, Phan Minh V1 kèm theo các giấy chứng nhận là các Thông báo trúng tuyển đóng dấu mang tên trường M nhằm mục đích củng cố niềm tin đối với các bị hại gồm chị Nguyễn Thị N sinh năm 1985, chị Nguyễn Thị H1 sinh năm 1974, chị Đoàn Thị L sinh năm 1974, chị Nguyễn Thị H1 sinh năm 1985, chị Nguyễn Thị O sinh năm 1979, chị Bùi Thị H2 sinh năm 1982 (đều ở thôn Y, xã D, huyện K), chị Nguyễn Thị H3 sinh năm 1981 ở thôn H, xã T H, huyện Y; chị Trần thị N2 sinh năm 1979 ở thôn Q U, xã M, huyện Y; chị Vũ Thị Hải Y sinh năm 1978 ở thôn Y T, xã V H, huyện K và để lừa thêm một số đối tượng khác trong đó có chị Dương Thị T1, sinh năm 1976 ở thôn Y, xã D huyện K, tỉnh Hưng Yên nhưng bị phát hiện. Vậy nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Phan Thị T.A theo tội danh và điều luật áp dụng trong

Cáo trạng số 45/QĐ -VKS- KC, ngày 28 tháng 4 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo T.A là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức đã trực tiếp xâm phạm lĩnh vực quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài liệu, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong dư luận, quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin mà bị cáo biết chắc chắn không đúng sự thật để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 243.200.000đ và sau đó để che dấu hành vi phạm tội, đồng thời củng cố niềm tin đối với các bị hại và nhằm lừa thêm chị T1, T.A đã làm giả 10 Giấy báo trúng tuyển và thông báo nhập học nguyện vọng 2 vào trường M. Những hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm hai khách thể là quyền sở hữu về tài sản và sự hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo T.A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình để bố, mẹ bị cáo là bà Ôn Thị L và ông Phan Văn T thay bị cáo bồi thường cho các bị hại; Bị cáo có bà nội cụ là Nguyễn Thị B3 được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng 3, có bà ngoại là cụ Ngô Thị M5 được tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục, có bố là ông Phan Văn T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra, tất cả các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Vì vậy, HĐXX cho bị cáo được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” bị cáo cũng thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T.A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy bị cáo tuổi đời còn trẻ, trước khi phạm tội lần này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Mặt khác, bên cạnh chính sách nghiêm trị, trừng phạt thì pháp luật hình sự vẫn luôn ghi nhận chính sách khoan hồng đối với người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, HĐXX quyết định áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015 để thể hiện rõ tinh thần của tư tưởng nhân đạo và nhân văn trong pháp luật hình sự nước ta hiện nay.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K và luật sư bào chữa cho T.A về việc áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo T.A là có cơ sở được HĐXX chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 của BLHS năm 2015 là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tất cả các bị hại đều đã nhận lại đủ số tiền T.A đã lừa họ, không ai có ý kiến đề nghị giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án này nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

7/ Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng sau: 01 dấu dập màu đỏ, nội dung dấu “Đã thu tiền”; 01 con dấu tròn mang tên trường M và 01 con dấu chức danh mang tên “Nguyễn Đức H4 thu được khi khám xét nhà T.A; 02 điện thoại Iphone XSMax bao gồm 01 điện thoại mà T.A để lại cho M4 tới ngày 22/8/2020 để trừ nợ và 01 điện thoại di động Iphone XSMax do T.A cầm cố tại quán nhà anh Trần Hải N3; tổng số tiền là 59.600.000đ. Gồm số tiền 37.200.000đ là tiền lãi T.A trả cho anh H9 và anh H9 đã tự nguyện giao nộp; số tiền 20.000.000đ được chuyển từ tài khoản của T.A sang tài khoản của anh H13 và được anh H13 tự nguyện giao nộp và 2.400.000đ, 01 đầu CPU, 06 tập giấy bên trong là các giấy biên nhận thỏa thuận cho vay cầm đồ (chưa ghi nội dung gì); 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 03 tờ giấy có dòng kẻ ghi các số tự nhiên nhưng đều được gạch chéo; 01 quyển sổ có kích thước (13x8,5), bên trong có 08 trang có ghi nội dung là tiền, tài sản, tài liệu thu được khi khám xét nhà của anh H9, chị M4.

- Đối với 01 dấu dập màu đỏ, nội dung dấu “Đã thu tiền” không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng không có giá trị nên T.A đề nghị HĐXX tiêu hủy.

- Đối với 01 con dấu tròn mang tên trường M và 01 con dấu chức danh mang tên “Nguyễn Đức H4 là công cụ phạm tội, không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Iphone XS Max mà T.A đưa cho chị M4 tới 22/8/2020 để trừ nợ nhưng tại phiên tòa hôm nay T.A không đồng ý trừ nợ nên cần trả lại cho T.A.

(Tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển vật chứng số 36/QĐ-VKS- KC ngày 28/4/2021 của VKSND huyện K).

Đối với các tài sản, vật chứng còn lại sẽ được xử lý khi Cơ quan điều tra – Công an huyện K làm rõ có hay không có hành vi cho vay nặng lãi của Đỗ Lệ H5, Nguyễn Thị M2, Đỗ Xuân H9 và Chu Việt H12.

Kiến nghị : Qua vụ án này, Hội đồng xét xử cũng kiến nghị Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên, UBND huyện K cần quản lý, xiết chặt hơn nữa các trình tự, thủ tục, điều kiện về chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; bản sao được chứng thực từ bản chính theo đúng quy định hiện hành.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo T.A phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị T.A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị T.A 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị T.A phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị T.A 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ: Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng hợp chung hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải thi hành là 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam (Ngày 23/8/2020).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của BLTTH năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 con dấu tròn mang tên trường THPT M; 01 con dấu chức danh mang tên “Nguyễn Đức H4 và 01 dấu dập màu đỏ, nội dung “Đã thu tiền”;

- Trả lại cho Phan Thị T.A 01 điện thoại Iphone XS Max.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 36/QĐ-VKS - KC ngày 28/3/2021 của VKSND huyện K).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thị T.A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/10/2021); Các bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tuyên án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi thường trú.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện K;
- VKSND huyện K;
- Bị cáo; Các bị hại; người, cơ quan có QLNVLQ;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- UBND xã D;
- Lưu HSA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương